

THỰC TRẠNG VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP HỌC TÍCH CỰC VÀO HỌC MÔN *TÂM LÝ HỌC* CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM

ĐẶNG THỊ LAN* - NGUYỄN THỊ THU HÀ**

Ngày nhận bài: 22/12/2016; ngày sửa chữa: 23/12/2016; ngày duyệt đăng: 26/12/2016.

Abstract: The article points out criteria to assess effectiveness of applying positive learning of pedagogical to Psychology and mentions a survey on the application of pedagogical students at Ha Tay College of Education and Foreign Language University-Hanoi National University. The results show that most students applied effectively this method, particularly for listening comprehension and taking notes but they are still confused in discussing in group.

Keywords: Positive learning, Psychology, learning activities, pedagogical students.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: Ưu tiên hàng đầu cho việc nâng cao chất lượng phương pháp dạy và học; đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học; nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên (GV) và tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường; phát huy khả năng sáng tạo và độc lập suy nghĩ của học sinh, sinh viên (SV) [1]. Vì vậy, GD-ĐT ở bậc đại học phải đổi mới đồng bộ, toàn diện về mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học... giúp SV phát huy mọi khả năng để học tập đạt kết quả cao.

Trong quá trình xây dựng, trưởng thành và phát triển, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây và Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội đã có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp GD-ĐT. Tuy nhiên, vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, trong đó có hạn chế về phương pháp học của SV, đặc biệt là việc vận dụng phương pháp học tích cực (PPHTC) vào học các môn học trong chương trình đào tạo của nhà trường. Vì vậy, nghiên cứu “Vận dụng PPHTC vào học môn *Tâm lý học* (TLH) của SV sư phạm” là vấn đề cần thiết.

1. Khái niệm “phương pháp học” và “phương pháp học tích cực”

Trong bài viết này, *phương pháp học* được hiểu là tổng thể các cách thức, biện pháp, thủ thuật hoạt động của người học, dưới sự chỉ đạo của người dạy nhằm lĩnh hội kiến thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo, phát triển tâm lý và hình thành nhân cách.

PPHTC là tổng thể các cách thức, biện pháp, thủ thuật hoạt động tự giác, chủ động, tự lực, sáng tạo của người học, dưới sự chỉ đạo của giáo viên nhằm chiếm lĩnh kiến thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo, phát triển tâm lý và hình thành nhân cách.

2. Tiêu chí đánh giá việc vận dụng PPHTC vào một số hình thức tổ chức dạy học cơ bản môn TLH

2.1. Hình thức bài giảng lý thuyết: Căn cứ vào từng chương, bài cụ thể mà GV có thể sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học khác nhau, nhưng dù theo phương pháp nào thì SV cũng phải thực hiện các công việc: chuẩn bị nghe giảng bài, nghe và ghi bài giảng, tiếp tục nghiên cứu sau khi nghe và ghi bài giảng.

- *Chuẩn bị nghe giảng bài:* + *Về mặt nhận thức:* SV phải nhớ lại bài cũ có liên quan và chủ yếu là tìm hiểu trước bài mới; tác dụng của chuẩn bị nghe giảng bài là giúp SV xác định đúng nội dung cần tập trung chú ý khi nghe giảng bài; + *Về mặt hành động:* SV biết chuẩn bị đầy đủ và đọc các tài liệu học tập cần thiết gồm giáo trình (GT) chuẩn, tài liệu cầm tay do GV cung cấp và các tài liệu tham khảo (TLTK) khác; tìm ra mối quan hệ giữa kiến thức cũ và kiến thức bài giảng mới; xác định các thành phần kiến thức của bài giảng mới; xác định các kiến thức trọng tâm của bài giảng mới; xác định những nội dung khó hiểu hoặc hiểu chưa sâu sắc.

- *Nghe và ghi bài giảng:* + *Về mặt nhận thức:* SV phải nghe và ghi được các nội dung mà bản thân nhận thấy nó có tác dụng làm hiểu bài tốt hơn; nghe và ghi bài giảng tốt sẽ giúp SV có được những kiến thức cơ bản, thiết thực, hệ thống làm cơ sở tiếp tục tự học để mở rộng vốn hiểu biết; + *Về mặt hành động:* SV biết nghe và ghi đầy đủ những vấn đề quan tâm trước giờ giảng bài; chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện bài ghi bằng các thông tin tự nghiên cứu ở GT và TLTK.

- *Tự nghiên cứu sau khi nghe và ghi bài giảng (sử dụng GT và TLTK):* + *Về mặt nhận thức:* SV nhận

* Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

** Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây

thức được sử dụng GT và TLTK là hình thức học tập chủ yếu để tích lũy tri thức phục vụ học tập và nghiên cứu; tác dụng của sử dụng GT và TLTK là giúp người học tự học theo kiểu nghiên cứu; + *Về mặt hành động*: SV biết đọc đúng trình tự các phần của GT và TLTK; xem lướt toàn bộ GT và TLTK, tìm chọn những nội dung cần thiết để đọc kĩ, đánh dấu và ghi những nội dung cần thiết; nhớ, suy nghĩ và vận dụng những thông tin vừa đọc; lưu giữ và phân loại thông tin đọc được theo từng lĩnh vực.

2.2. Hình thức bài tập thực hành: - *Về mặt nhận thức*: SV nhận thức được làm bài tập thực hành là quá trình vận dụng lí thuyết đã học vào giải quyết các tình huống thực tiễn; tác dụng của việc làm bài tập thực hành là rèn luyện năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, củng cố kiến thức TLH, rèn luyện năng lực hành động, hình thành kĩ năng, kĩ xảo của một số công việc theo chức trách, nhiệm vụ của giáo viên tương lai; - *Về mặt hành động*: SV biết làm các bài tập thực hành; rút ra các kết luận sư phạm (hay bài học có ích).

2.3. Hình thức thảo luận: - *Về mặt nhận thức*: SV nhận thức được chuẩn bị và tiến hành thảo luận là hình thức trao đổi, tranh luận về một chủ đề khoa học có liên quan đến kiến thức đang học, do SV tổ chức dưới sự hướng dẫn của GV; tác dụng của chuẩn bị và tiến hành thảo luận là rèn luyện tư duy khoa học và năng lực vận dụng kiến thức; - *Về mặt hành động*: SV thực hành được một số công việc cụ thể: + *Chuẩn bị thảo luận*: Thực hiện được các bước chuẩn bị thảo luận dưới sự hướng dẫn của GV; huy động kiến thức từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau theo chủ đề thảo luận; chuẩn bị các ý kiến trao đổi và tranh luận xung quanh chủ đề thảo luận; + *Tiến hành thảo luận*: Trình bày kết quả đã chuẩn bị theo nhóm trước tập thể; đại diện nhóm trao đổi, tranh luận, đề xuất cách giải quyết vấn đề theo quan điểm của nhóm; lắng nghe nhận xét, đánh giá của GV sau từng phần trình bày của SV.

3. Một vài kết quả nghiên cứu thực tiễn vận dụng PPHTC vào học môn TLH của SV sư phạm

Nghiên cứu được tiến hành trên 114 SV học môn TLH, năm học 2014-2015, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây và Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Để có những kết quả cụ thể, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu chính là *điều tra viết* nhằm thu thập thông tin về thực trạng vận dụng PPHTC vào học môn TLH qua *chuẩn bị nghe giảng bài, nghe và ghi bài giảng, tự học qua đọc, làm bài tập thực hành, chuẩn bị và tiến hành thảo luận* của SV sư phạm.

Dựa vào những tiêu chí đã trình bày ở phần trên, chúng tôi cho điểm các công việc này. Tổng số điểm tối đa cho mỗi công việc cụ thể là 10. Điểm tổng hợp là điểm trung bình chung (\bar{x}). Trên cơ sở tính \bar{x} , chúng tôi chia việc vận dụng PPHTC vào học môn TLH của SV sư phạm theo các mức: *vận dụng tốt* (8,0-10 điểm), *vận dụng khá* (7,0-8,0 điểm), *vận dụng trung bình* (5,0-7,0 điểm) và *vận dụng kém* (dưới 5,0 điểm). Kết quả thu được như sau:

3.1. Biểu hiện việc vận dụng PPHTC ở một số hình thức dạy học cơ bản (bảng 1):

Bảng 1. Biểu hiện vận dụng PPHTC ở một số hình thức dạy học cơ bản

Một số công việc cụ thể ở các hình thức dạy học cơ bản môn TLH		\bar{x}	Thứ bậc
Bài giảng lí thuyết	Chuẩn bị nghe giảng bài	8,26	1
	Nghe và ghi bài giảng	7,84	2
	Tự nghiên cứu sau khi nghe và ghi bài giảng (sử dụng GT và TLTK)	7,19	4
Bài tập thực hành		7,22	3
Chuẩn bị và tiến hành thảo luận		6,93	5
\bar{x} chung		7,49	

Bảng 1 cho thấy: SV sư phạm vận dụng PPHTC vào học môn TLH ở mức "khá" với \bar{x} chung là 7,49. Trong đó, *chuẩn bị nghe giảng bài* ở hình thức bài giảng lí thuyết được SV vận dụng tốt nhất, sau đó đến *nghe và ghi bài giảng*; "*vận dụng trung bình*" là hình thức *chuẩn bị và tiến hành thảo luận* (kém nhất).

Để phân tích, đánh giá sâu hơn biểu hiện việc vận dụng PPHTC vào học môn TLH của SV sư phạm, chúng tôi xem xét những việc làm cụ thể của SV ở từng hình thức tổ chức dạy học cơ bản của môn học. Cụ thể như sau:

3.1.1. Vận dụng PPHTC ở hình thức bài giảng lí thuyết

- *Chuẩn bị nghe giảng bài* (bảng 2):

Bảng 2. Vận dụng PPHTC vào việc "chuẩn bị nghe giảng bài" môn TLH

Các mặt biểu hiện	Nội dung, tác dụng và công việc cụ thể của "chuẩn bị nghe giảng bài"	Số ý kiến	%	
Nhận thức	Nội dung	Xem trước nội dung bài mới trong giáo trình	17	14,91
		Ôn lại bài cũ để nhớ những kiến thức có liên quan	13	11,40
		Nhớ lại bài cũ, chủ yếu là tìm hiểu trước bài mới	84	73,68
	Tổng		114	100,00
	Tác dụng	Hiểu, nắm cấu trúc, nội dung cơ bản của bài học mới...	16	14,03
		Xác định đúng những điểm cần tập trung khi nghe giảng	83	72,80
Giảm thời gian lên lớp nghe giảng		15	13,16	
Tổng		114	100,00	
Hành động	Thực hiện đúng một số công việc cụ thể	85	74,60	
	Thực hiện chưa đúng một số công việc cụ thể	29	25,40	
	Tổng		114	100,00

Bảng 2 cho thấy:

+ **Về mặt nhận thức:** Có 73,68% SV hiểu đúng và đầy đủ nội dung cụ thể của “chuẩn bị nghe giảng bài”; 26,31% SV hiểu chưa đúng và đầy đủ nội dung cụ thể của việc làm này. Nhiều SV quan niệm: “chuẩn bị nghe giảng bài” là *xem trước nội dung bài mới trong giáo trình, ôn tập bài cũ để nhớ lại những kiến thức có liên quan đến bài sắp học*. Thực tế, chuẩn bị nghe giảng bài không phải chỉ đơn giản như thế, mà là *nhớ lại bài cũ có liên quan và chủ yếu tìm hiểu trước về bài mới*. Có tới 72,80% SV hiểu đúng tác dụng của “chuẩn bị nghe giảng bài” là *xác định chính xác những điểm cần tập trung chú ý khi nghe giảng*.

+ **Về mặt hành động:** Có 74,60% SV biết “chuẩn bị nghe giảng bài” đúng cách (chuẩn bị đầy đủ và đọc các tài liệu cần thiết, tìm mối tương quan giữa kiến thức trong bài giảng mới và kiến thức đã có; xác định các thành phần của bài giảng mới, những kiến thức trọng tâm, trọng điểm, đánh dấu những nội dung chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ ràng và đầy đủ...); còn 25,40% SV chưa thực hiện đủ và đúng các công việc chuẩn bị nghe giảng bài.

Như vậy, SV sư phạm đã vận dụng tốt PPHTC vào việc “chuẩn bị nghe giảng bài” môn TLH. Nguyên nhân của thực trạng này là: *Về khách quan*, các loại GT và TLTK phục vụ cho học tập môn học tương đối đầy đủ; GV đặt ra yêu cầu cao đối với SV trong việc chuẩn bị nghe giảng bài; GV thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở hoặc kiểm điểm SV nếu không chuẩn bị nghe giảng bài. *Về chủ quan*, trong quá trình tự học, tự nghiên cứu, SV đã tích cực tư duy, tìm tòi, sáng tạo; có phương pháp tự học và tự nghiên cứu phù hợp với môn học.

- *Nghe và ghi bài giảng (bảng 3):*

Bảng 3. Vận dụng PPHTC vào “nghe và ghi bài giảng” môn TLH

Các mặt biểu hiện		Nội dung, tác dụng và công việc cụ thể của "nghe và ghi bài giảng"	Số ý kiến	%
Nhận thức	Nội dung	Đầy đủ những lời giảng của GV	20	17,54
		Những điều GV nhấn mạnh và lưu ý nên ghi	19	16,66
		Những nội dung mà bản thân thấy có tác dụng giúp hiểu bài tốt hơn	75	65,78
	Tổng		114	100,00
	Tác dụng	Hiểu đầy đủ, chính xác kiến thức ngay tại lớp	18	15,78
Có được vở ghi như một tài liệu đầy đủ, chính xác		27	23,68	
Có được những kiến thức cơ bản, thiết thực, hệ thống làm cơ sở tiếp tục tự học, tự nghiên cứu và mở rộng vốn hiểu biết		69	60,53	
Tổng		114	100,00	
Hành động	Nghe và ghi mọi kiến thức có trong nội dung bài giảng	28	24,56	
	Nghe và ghi những điều mới lạ, gây hứng thú cho bản thân	12	10,53	
	Nghe và ghi những điều bản thân xác định cần quan tâm trước giờ giảng bài	74	64,91	
	Tổng		114	100,00

Bảng 3 cho thấy:

+ **Về mặt nhận thức:** Có 65,78% SV hiểu đúng nội dung của “nghe và ghi bài giảng”, tức là phải nghe và ghi được những nội dung mà bản thân thấy có tác dụng làm cho mình hiểu bài tốt hơn; vẫn còn tới 34,20% SV chưa hiểu đúng nội dung công việc này, họ quan niệm “nghe và ghi bài giảng” là phải nghe và ghi được *đầy đủ những lời trình bày của GV* trong quá trình giảng bài hoặc *những điều GV nhấn mạnh và lưu ý nên ghi*. Có 60,53% SV hiểu đúng tác dụng của “nghe và ghi bài giảng” là sẽ giúp họ lĩnh hội được những kiến thức cơ bản, thiết thực, hệ thống làm cơ sở tiếp tục tự học, tự nghiên cứu để mở rộng vốn hiểu biết hiện có phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo.

+ **Về mặt hành động:** Có 64,91% SV biết cách “nghe và ghi bài giảng”, tức là nghe và ghi bổ sung đầy đủ những điều mà họ đã xác định cần quan tâm trước giờ giảng; 35,09% SV (24,56% + 10,53%) quan tâm đến *mọi những kiến thức có trong nội dung bài giảng và những vấn đề mới lạ gây hứng thú học tập cho họ*.

Như vậy, khi học môn TLH, đa số SV sư phạm đã hiểu đúng nội dung cụ thể, tác dụng, nhanh chóng hình thành phương pháp “nghe và ghi bài giảng”, đáp ứng với yêu cầu của môn học cũng như việc học tập. Tuy nhiên, còn một bộ phận nhỏ SV chưa hiểu đúng nội dung cụ thể, tác dụng; chưa có phương pháp, sự điều chỉnh phương pháp nghe và ghi bài giảng cho phù hợp với yêu cầu học tập... Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng này là do SV còn chịu ảnh hưởng lớn của cách tư duy, thói quen và phương pháp học ở bậc phổ thông; tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc tìm tòi phương pháp học mới ở cao đẳng, đại học của SV chưa cao...

- *Tự nghiên cứu sau khi nghe và ghi bài giảng (sử dụng GT và TLTK) (xem bảng 4 trang bên).*

Bảng 4 cho thấy:

+ **Về mặt nhận thức:** Có 66,67% SV sư phạm hiểu đúng việc sử dụng GT và TLTK môn TLH là hình thức học tập chủ yếu nhằm tích lũy kiến thức phục vụ học tập và nghiên cứu; 33,33% SV không trả lời hoặc hiểu sai về sử dụng GT và TLTK.

Nhận thức về tác dụng của việc sử dụng GT và TLTK thì có 64,91% SV hiểu tương đối chính xác là *hình thức chủ yếu làm cơ sở để tự học và tự nghiên cứu nhằm lĩnh hội, củng cố, mở rộng và nâng cao kiến thức; không ít SV (16,67 + 18,43 = 35,10%) hiểu chưa đầy đủ, toàn diện về tác dụng của sử dụng GT và TLTK khi cho rằng sử dụng GT và TLTK nhằm giảm thời gian lên lớp*

Bảng 4. Vận dụng PPHTC vào “sử dụng GT và TLTK” môn TLH

Các mặt biểu hiện	Nội dung, tác dụng và công việc cụ thể của “sử dụng GT và TLTK”	Số ý kiến	%	
Nhân thức	Nội dung	Nhận thức đúng	76	66,67
		Nhận thức sai và không trả lời	38	33,33
		Tổng	114	100,00
	Tác dụng	Giảm dần thời gian lên lớp, tăng giờ tự học	19	16,67
		Đáp ứng yêu cầu học tập của chương trình học	21	18,43
Là hình thức chủ yếu làm cơ sở để tự học		74	64,91	
Tổng	114	100,00		
Hành động	Cách đọc để lấy thông tin	Đọc đúng trình tự	73	64,00
		Đọc không đúng trình tự	41	36,00
		Tổng	114	100,00
		<i>Khi bắt đầu đọc:</i>		
	Đọc liền từ đầu đến cuối	33	28,92	
	Tìm hiểu sơ bộ trước khi chính thức đọc	10	8,80	
	Xem lướt toàn bộ, tìm chọn những nội dung cần thiết...	71	62,28	
	Tổng	114	100,00	
	Sau khi đọc xong:	Nhớ, suy nghĩ, vận dụng về những điều vừa đọc	70	61,40
		Ngừng đọc, chuyển ngay sang công việc khác	26	22,80
		Đọc lại phần mình thấy hứng thú	18	15,78
		Tổng	114	100,00
		Theo mức độ quan trọng	9	13,43
		Theo tên tác giả	15	22,38
	Cách lưu giữ và phân loại thông tin	Theo lĩnh vực	30	44,78
Theo tên sách		13	19,40	
Không dựa vào tiêu chuẩn nào		0	0,00	
Tổng		67	100,00	

bắt buộc, tăng giờ tự học của mỗi SV trong việc học tập hoặc là để **đáp ứng yêu cầu học tập của chương trình môn học**. Điều đó chưa hoàn toàn chính xác vì học tập ở cao đẳng, đại học ngoài việc nghe giảng bài, ghi bài giảng trên lớp, SV không thể không đọc GT và TLTK ở các thư viện, trên mạng Internet...

+ **Về mặt hành động:** Có 64,00% SV đọc GT và TLTK theo đúng trình tự và 36,00% không đọc đúng trình tự. **Khi bắt đầu đọc**, những thiếu sót cơ bản và phổ biến là SV không đọc lời giới thiệu, mục lục mà tập trung đọc nội dung; có SV lại đọc phụ lục trước khi đọc nội dung, họ không hiểu phụ lục là những tư liệu bổ trợ để làm rõ nội dung; có 62,28% SV **xem lướt toàn bộ, tìm chọn những nội dung cần thiết...**; trong khi đó vẫn còn 28,92% SV **đọc liền từ đầu đến cuối sách**. **Sau khi đọc xong**, có 61,40% SV **nhớ, suy nghĩ, vận dụng về những điều vừa đọc**.

Có 67/114 SV đã sắp xếp thông tin thu nhận, trong đó có 44,78% SV đã biết sắp xếp thông tin **theo lĩnh vực**, số SV còn lại sắp xếp thông tin **theo mức độ quan trọng, theo tên tác giả và theo tên sách**.

Như vậy, nhận thức và hành động về vận dụng PPHTC vào sử dụng GT và TLTK môn TLH của SV sư phạm còn nhiều hạn chế. Do vậy, hiệu quả sử dụng GT và TLTK chưa cao. Đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập theo hướng nghiên cứu của SV sư phạm.

3.1.2. Vận dụng PPHTC ở hình thức bài tập thực hành (bảng 5)

Bảng 5. Vận dụng PPHTC vào “làm bài tập thực hành” môn TLH

Các mặt biểu hiện	Nội dung, tác dụng và công việc cụ thể của làm bài tập thực hành	Số ý kiến	%	
Nhân thức	Nội dung	Vận dụng lí thuyết vào giải quyết các tình huống thực tiễn	72	63,15
		Trả lời các câu hỏi của GV	20	17,55
		Hoàn thành hệ thống câu hỏi trong giáo trình	22	19,30
		Tổng	114	100,00
	Tác dụng	Rèn luyện năng lực tư duy độc lập, sáng tạo	16	14,04
		Củng cố kiến thức, rèn luyện năng lực hành động	6	5,26
		Hình thành kĩ năng, kĩ xảo một số công việc theo chức trách, nhiệm vụ của giáo viên	21	18,43
		Rèn luyện năng lực tư duy độc lập, sáng tạo; Củng cố kiến thức, rèn luyện năng lực hành động; Hình thành kĩ năng, kĩ xảo của một số công việc theo chức trách và nhiệm vụ của giáo viên	71	62,28
		Tổng	114	100,00
		Hành động	Xây dựng câu trả lời dưới góc độ (quan điểm) của những tri thức TLH đã và đang học	24
Rút ra các kết luận sư phạm (hay bài học có ích)	19	16,67		
Trả lời các câu hỏi theo quan điểm TLH duy vật biện chứng, trên cơ sở những câu trả lời đó rút ra ý nghĩa sư phạm	71	62,28		
Tổng	114	100,00		

Bảng 5 cho thấy:

+ **Về mặt nhận thức:** Có 63,15% SV sư phạm nhận thức đúng nội dung cụ thể của “làm bài tập thực hành” là **vận dụng kiến thức lí thuyết vào giải quyết các tình huống thực tiễn**; có 62,28% SV hiểu đúng về tác dụng của làm bài tập thực hành.

+ **Về mặt hành động:** Có 62,28% SV biết **trả lời các câu hỏi theo quan điểm TLH duy vật biện chứng, trên cơ sở những câu trả lời đó rút ra ý nghĩa sư phạm**. Đây chính là bản chất, tác dụng của “làm bài tập thực hành” là phát huy tính tích cực, sáng tạo trong việc thực hiện các công việc cụ thể, góp phần nâng cao chất lượng môn học.

3.1.3. Vận dụng PPHTC ở hình thức thảo luận (bảng 6 trang bên)

Bảng 6 cho thấy:

+ **Về mặt nhận thức:** Có 62,28% SV hiểu đúng thảo luận là hình thức tổ chức dạy học cơ bản môn TLH được diễn ra dưới sự tổ chức, điều khiển của GV, SV tiến hành trao đổi, tranh luận về một chủ đề khoa học nhằm củng cố, mở rộng và nâng cao kiến thức; có 64,03% SV hiểu đúng tác dụng chủ yếu nhất của việc chuẩn bị và tiến hành thảo luận là giúp họ **rèn luyện tư duy khoa học và năng lực vận dụng kiến thức**.

Như vậy, SV sư phạm đã nhận thức được tác dụng của “chuẩn bị và tiến hành thảo luận” là giúp họ am hiểu sâu rộng kiến thức bài giảng, phát triển năng lực tìm tòi, khám phá, nhất là khả năng tư duy

Bảng 6. Vận dụng PPHTC vào “chuẩn bị và tiến hành thảo luận” môn TLH

Các mặt biểu hiện	Nội dung, tác dụng và công việc cụ thể của “chuẩn bị và tiến hành thảo luận”	Số kiến	%	
Nhân thức	Nội dung	Do SV tự tổ chức, không có sự hướng dẫn của GV	9	7,89
		Do GV tổ chức nhằm giúp SV ôn tập bài vừa học xong	11	9,65
		Về một chủ đề khoa học có liên quan đến kiến thức đang học do SV thực hiện dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV	71	62,28
		Do GV tổ chức nhằm kiểm tra việc nắm kiến thức trong chương trình học của SV	23	20,18
		Tổng	114	100,00
	Tác dụng	Rèn luyện tính mạnh dạn và khả năng diễn đạt ý kiến trước tập thể	11	9,65
		Ôn tập và nắm chắc kiến thức đã học	9	7,89
		Rèn luyện tư duy khoa học và năng lực vận dụng kiến thức	73	64,03
		Biết cách viết một báo cáo khoa học	10	8,77
		Biết cách phân tích và trình bày vấn đề được đặt ra	11	9,65
Tổng	114	100,00		
Hành động	<i>Chuẩn bị thảo luận:</i>			
	Từ nhiều nguồn kiến thức	69	60,52	
	Trả lời không đúng và không trả lời	45	39,48	
	Tổng	114	100,00	
	<i>Các bước chuẩn bị thảo luận:</i>			
	Thực hiện đúng trình tự các bước chuẩn bị thảo luận	107	93,85	
	Thực hiện không đúng trình tự các bước chuẩn bị thảo luận	7	6,15	
	Tổng	114	100,00	
	<i>Tiến hành thảo luận:</i>			
	Thực hiện đúng các công việc khi tiến hành thảo luận	85	74,56	
Thực hiện không đúng các công việc khi tiến hành thảo luận	29	25,44		
Tổng	114	100,00		

độc lập và sáng tạo, phong cách trình bày một vấn đề khoa học của một nhà giáo và người làm công tác nghiên cứu trong tương lai. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều SV chưa đánh giá đúng vai trò và tác dụng của việc làm này.

+ *Về mặt hành động:* Có 60,52% SV biết cách huy động kiến thức từ nhiều nguồn (vở ghi bài giảng, GT và TLTK, các kênh thông tin khác...) để chuẩn bị thảo luận; có tới 93,85% SV thực hiện đúng trình tự các bước khi chuẩn bị thảo luận; có 74,56% SV thực hiện đúng các công việc khi tiến hành thảo luận (trình bày kết quả đã chuẩn bị theo nhóm trước tập thể; đại diện các nhóm trao đổi, tranh luận và đề xuất cách giải quyết vấn đề theo quan điểm của nhóm mình; lắng nghe những nhận xét, đánh giá của GV).

3.2. Đánh giá tổng hợp việc vận dụng PPHTC vào học môn TLH của SV sư phạm (bảng 7)

Bảng 7 cho thấy: Có 21,92% SV vận dụng PPHTC vào học môn TLH ở mức “tốt”; 47,36% SV ở mức “khá”; 26,31% SV ở mức “trung bình” và 4,38% SV ở “mức kém”. Như vậy, có gần 70% SV sư phạm vận dụng PPHTC vào học môn TLH ở mức khá và tốt. Thực trạng này là đáng mừng và có thể lí giải như sau:

- *Về nguyên nhân khách quan:* Trước hết, nội dung và chương trình môn TLH được đổi mới một cách hệ thống, cơ bản, thiết thực và sắp xếp hợp lí,

Bảng 7. Tổng hợp kết quả vận dụng PPHTC vào học môn TLH của SV sư phạm

Một số công việc cụ thể của SV ở các hình thức dạy học cơ bản môn TLH	Các mức vận dụng				
	Tốt (%)	Khá (%)	Trung bình (%)	Kém (%)	
Bài giảng lí thuyết	Chuẩn bị nghe giảng bài	26,31	53,50	17,54	2,63
	Nghe và ghi bài giảng	23,68	50,00	21,05	5,26
	Tự nghiên cứu sau nghe và ghi bài giảng (sử dụng GT và TLTK)	19,29	47,36	24,56	8,77
Bài tập thực hành	22,80	48,24	22,80	6,14	
Chuẩn bị và tiến hành thảo luận	14,91	43,85	24,56	16,66	
Tổng hợp	21,92	47,36	26,31	4,38	

thích hợp giữa bài giảng lí thuyết, bài tập thực hành và thảo luận; được xây dựng theo hướng giảm thời gian học lí thuyết, tăng thời gian làm bài tập thực hành và thảo luận. GV luôn đổi mới phương pháp dạy kết hợp với sử dụng phương tiện kĩ thuật dạy học hiện đại, hướng dẫn SV phương pháp học và yêu cầu cao đối với SV về tự học, tự nghiên cứu. Nhà trường cũng đã nâng cấp dần hệ thống phòng học, thư viện và trang thiết bị phục vụ dạy và học, quan tâm đến việc mua thêm GT và TLTK cho thư viện và phòng thông tin tư liệu. Những yếu tố trên đều tạo điều kiện thuận lợi giúp SV vận dụng tốt PPHTC vào quá trình học tập môn TLH.

- *Về nguyên nhân chủ quan:* Khi vào học năm thứ nhất, khả năng học tập đã có của bản thân SV còn nhiều hạn chế; đa số các em vẫn học theo phương pháp ở phổ thông, chưa nhanh chóng tiếp cận với phương pháp học có tính chất nghiên cứu đòi hỏi phải tích cực, chủ động, sáng tạo cao trong quá trình chiếm lĩnh tri thức, kĩ năng, kĩ xảo dưới sự tổ chức, định hướng và gợi mở của GV. Đến năm thứ hai, khi học môn TLH, SV đã trải qua một năm học ở trường đại học, làm quen với môi trường học tập và xây dựng được phương pháp học mới phù hợp. Điều này đã giúp SV dễ dàng hơn trong việc vận dụng PPHTC vào học môn TLH.

Như vậy, SV đã có những hiểu biết cơ bản về nội dung, tác dụng các công việc cần làm khi học môn TLH và thực hành có hiệu quả các công việc đó. Việc chuẩn bị nghe giảng bài ở hình thức bài giảng lí thuyết được SV nắm vững và thực hành tốt nhất, sau đó đến nghe và ghi bài giảng. SV nắm vững và thực hành kém nhất là việc chuẩn bị và tiến hành thảo luận. Điều này đặt ra cho GV giảng dạy TLH một vấn đề là cần

(Xem tiếp trang 217)

So sánh là một trong những khả năng quan trọng của quá trình nhận thức nói chung và tư duy nói riêng. Khả năng so sánh giúp con người nhận biết được sự giống và khác nhau giữa các sự vật, hiện tượng có trong thế giới xung quanh, nhờ vậy mà con người nhận biết thế giới đầy đủ và sâu sắc. Tác giả cũng chỉ ra rằng: các hoạt động cho trẻ LQVT ở trường MN là điều kiện thuận lợi để phát triển kĩ năng so sánh cho trẻ.

Theo Dương Thị Diệu Hoa trong cuốn “*Tâm lí học phát triển*” [14] khi nghiên cứu sự hình thành các biểu tượng (trong đó có biểu tượng về khối lượng của vật: nặng - nhẹ, to - nhỏ, cao - thấp, lớn - bé,... và biểu tượng quan hệ không gian giữa các vật) cho rằng: Sự kết hợp giữa các biểu tượng về sự vật, mối quan hệ không gian đã hình thành biểu tượng so sánh giữa các vật: nhiều - ít, dài - ngắn, cao - thấp cho trẻ mẫu giáo.

Đỗ Thị Minh Liên, Nguyễn Duy Thuận, Trịnh Minh Loan, Đinh Thị Nhung,... đã khẳng định vai trò của hoạt động LQVT đối với sự phát triển KN so sánh của trẻ. Theo các tác giả, ngay từ lứa tuổi đi nhà trẻ, khi thao tác với các đồ vật, đồ chơi, trẻ đã xuất hiện nhu cầu so sánh số lượng, kích thước, hình dạng của chúng. Trẻ thực hiện so sánh bằng các hành động xếp chồng hay xếp cạnh các vật với nhau, hoặc từng vật của nhóm này với từng vật của nhóm khác để xác định mối quan hệ số lượng giữa các nhóm đối tượng (về kích thước, hình dạng). Như vậy, thông qua hoạt động LQVT giúp trẻ phát triển các thao tác trí tuệ, trong đó có thao tác so sánh.

Tóm lại, có nhiều công trình nghiên cứu về nội dung, phương pháp, biện pháp giúp trẻ MN LQVT. Ở từng thời điểm, từng hoạt động LQVT, nhiệm vụ dạy trẻ so sánh được GV thực hiện một cách ngẫu nhiên. Đa số GV vẫn chú trọng việc thực hiện nhiệm vụ trang bị kiến thức về toán cho trẻ. Vì vậy, việc nghiên cứu phát triển KN so sánh cho trẻ 5-6 tuổi trong hoạt động LQVT phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, với các giai đoạn của sự hình thành bên ngoài và bên trong hành động so sánh cho trẻ là rất cần thiết. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Clements, D. H - Sarama, J (2004). *Engaging young children in mathematics: Standards for early childhood mathematics education*. Mahwah, N.J: Lawrence Erlbaum Associates.
[2] Montague - Smith, Ann (2012). *Learning in the early years*, Routledge.

[3] U.S.Department of Education (2005). Office of Communications and Outreach, *Helping Your Child Learn Mathematics*, Washington, D.C.

[4] Douglas Frye et al (2013). *IES Practice Guide: Teaching Math to YoungChildren*.

[5] L.X. Метлина (1984). *Мамемамика в бемском сабу, Уздателъство Мозайка - Стнтез*.

[6] Bộ GD-ĐT (2009). *Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ban hành chương trình giáo dục mầm non*.

[7] Đỗ Thị Minh Liên (2011). *Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.

[8] A.В Белошиская (2004). *Занятия по развитию математических способностей детей*. Владос.

[9] Jennifer M.Bay - Williams - Gina Kling (2014). *Enriching addition and subtraction fact mastery through*. Teaching children mathematics Vol.31, No 4.

[10] Rigby (2004). *Book 2 First Steps in Mathematics Number*. Harcourt Education.

[11] Fromboluti, C.S - Rinck, N (1999). *Mathematical activities for parents and their 2-to 5-year-old children*. Early Childhood: Where Learning Begins Mathematics, National Institute on Early Childhood Development and Education.

[12] Sperry, S.S (2001). *Early childhood mathematics*. Boston: Allyn and Bacon.

[13] Đỗ Thị Minh Liên (2010). *Nghiên cứu phát triển khả năng so sánh cho trẻ mẫu giáo trong các hoạt động làm quen với toán*. Tạp chí Giáo dục, số 251.

[14] Dương Thị Diệu Hoa (chủ biên) - Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Kế Hào - Phan Trọng Ngo - Đỗ Thị Hạnh Phúc (2011). *Tâm lí học phát triển*. NXB Đại học Sư phạm.

Thực trạng vận dụng phương pháp...

(Tiếp theo trang 234)

có biện pháp giúp đỡ SV để các em hiểu rõ nội dung, tác dụng và biết cách chuẩn bị, tiến hành thảo luận, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
[2] Nguyễn Kỳ (1995). *Phương pháp giáo dục tích cực lấy người học làm trung tâm*. NXB Giáo dục.
[3] Đặng Thị Lan (2011). *Vận dụng phương pháp học tích cực vào học môn Tâm lí học đại cương của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Mã số N.09.31, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.
[4] Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt (1987). *Giáo dục học (tập 1)*. NXB Giáo dục.
[5] Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (1996). *Tâm lí học đại cương*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.